

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+GTc1	7:25	10+12	0+0		7+15	0+0	chuyen 1 ctk3-gtc1
2		PPD+BK9+BK20	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	chuyen 2 bk9-bk20
3		BK16+TD2+PPD	7:25	8+8+6	0+0+0		4+1+14	0+0+0	
4		RP3+RP1+CTK3	9:25	7+1+14	0+0+0		0+1+19	0+0+0	chuyen 3 rp1-ctk3
5		AMD+TTC3+P3	9:25	20+2+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
6		P1+P10+VSP01	09:25	12+0+7	0+0+0		0+10+3	0+0+0	chuyen 2 p10-vsp01
7		AMD+CTK3+BK16	11:25	10+9+2	0+0+0		6+11+4	0+0+0	

TTĐBSX

Đi về trong ngày ctk3-5ng, bk16-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2024	TO: CTK3 - GTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	CTK3						71	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
2	LE HỒNG ĐẠI	CTK3	39	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM MINH TUÂN	CTK3	44-45	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	46	1	6	3	50	87	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3	41	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	42	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3						85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	CTK3	43	1	3			67	NIPI	Vietnamese
9	PHAN NGỌC QUYẾT	CTK3	40	1	2			74	NIPI	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	38	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN PHÚC	CTK3						70	SAN BAY	Vietnamese
12	HOANG XUAN HIEU	GTC1	22	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	24	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	GTC1	16	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH LUÂN	GTC1	23	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRỌNG NGHĨA	GTC1	10	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC ANH	GTC1	11-12	2	20			95	ANTOAN	Vietnamese
18	NGO MINH PHƯƠNG	GTC1	13	1	12			90	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG THAI	GTC1	18-19	2	20	2	30	71	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU ĐỨC	GTC1	20	1	11	4	40	77	T-TIN	Vietnamese
21	HUYNH THAI HÒA	GTC1	14-15	2	14			67	T-TIN	Vietnamese
22	VŨ TIỀN NGỌC	GTC1	17	1	11			78	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	CTK3		11	816	9	41	3	50	7	1	CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG GTC1
2	GTC1		11	826	14	120	6	70	15		
TOTAL			22	1.642	23	161	9	120	22		
WEIGHT KG				1.642		161		120			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2024	TO: PPD - BK9 - BK20	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VIỆT - N.CƯỜNG - TÚ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	15	1	6	2	49	69	KHI	Vietnamese
2	LÊ THANH TRUNG	PPD	28	1	5	3	50	64	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	29	1	10			76	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	18	1	9			74	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD						80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH QUANG	PPD						77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	22-23	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC ĐỨC THẮNG	PPD	24-25	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	36	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	19	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD	35	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHẮC LÂM	PPD	26	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TÂN	PPD	16	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	32	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	30	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ HIỀN THANH	PPD	31	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	37	1	6			48	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	17	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
19	K LỖ	PPD	27	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VĂN THẮNG	PPD	20	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	PPD	33-34	2	15			100	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	21	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	PPD		22	1.565	23	126	5	99	20		
2	BK9		0	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 2 PAX BK9-BK20
3	BK20		0	0	0	0	1	20	2		
TOTAL			22	1.565	23	126	6	119	22		
WEIGHT KG				1.565		126		119			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2024	TO: BK16 - TD2 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - TOAN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	BK16						70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH DUNG	BK16						94	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH TUNG	BK16						64	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU VĂN SƠN	BK16	49	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	53	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HÀ	BK16	50	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT TIỀN	BK16	54	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN HỘI	BK16	51-52	2	20			52	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI MINH HAI	TD2	400	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
10	VU MINH ĐỨC	TD2	13-14	2	18			91	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NAM THĂNG	TD2	11	1	12	2	32	106	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TRƯỞNG	TD2	15-16	2	19	3	50	64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	TD2	09-10	2	14			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	TD2	07-08	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	TD2	05	1	12	1	13	60	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI VĂN TRẦN MINH QUAN	TD2	99,300	2	19			50	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NHAN	PPD	52	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	53-54	2	15			82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỞNG GIA TRI	PPD	55	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC DƯ	PPD	59	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ SỸ VANG	PPD	56-57	2	20			62	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN MINH XANH	PPD	58	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	8	566	6	37	0	0	4		
2	TD2	8	572	13	117	6	95	1		
3	PPD	6	408	8	54	0	0	14		
TOTAL		22	1.546	27	208	6	95	19		
WEIGHT KG			1.546		208		95			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2024		TO: RP3 - RP1 - CTK3				AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50		
FLIGHT: 4		FROM: VT				CREW: VIỆT - N.CƯỜNG - TÚ			ETA: 11:40		
XANH-2											
No.	PAXNAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	BUI ĐĂNG CHÂU KIÊM		RP3	07-08	2	14	2	75	82	KHI	Vietnamese
2	ĐO THAI HUY		RP3	09-11	3	10			81	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM TUÂN		RP3	98	1	10	2	21	92	KHI	Vietnamese
4	PHẠM MINH ĐỨC		RP3	96-97	2	13	3	22	70	KHI	Vietnamese
5	MẠC XUAN TRƯỜNG		RP3	5000	1	7	1	20	81	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN HUY		RP3	99	1	10			68	KHI	Vietnamese
7	HÀ QUỐC VINH		RP1	62	1	4			69	PSV	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC THĂNG		CTK3	72	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ TRỌNG TUÂN		CTK3	76	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUÂN ANH		CTK3	68-69	2	14			62	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC HAI		CTK3	66	1	10			98	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI CÔNG THĂNG		CTK3	67	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG MẠN		CTK3	70	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU		CTK3	65	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐÌNH THAM		CTK3	78-79	2	14			60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯỜNG QUỐC BẢO		CTK3	74-75	2	9			59	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM CÔNG ƯỚC		CTK3	73	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ MẠU MÊN		CTK3	77	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM BA HOANG		CTK3	80-81	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG KIẾN		CTK3						75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐIỂM		CTK3	71	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	RP3		6	474	10	64	8	138	0		
2	RP1		1	69	1	4	0	0	1 + 3		CHUYEN 3 PAX RP1-CTK3
3	CTK3		14	995	17	117	0	0	19		
TOTAL			21	1.538	28	185	8	138	20		
WEIGHT KG				1.538		185		138			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2024	TO: AMD - TTC3 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHUNG MINH HAI	AMD	45-46	2	10			74	HLJOC	Vietnamese
2	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	52	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO MINH TUÂN	AMD	50	1	4	3	25	90	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	33-35	3	20			94	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	37-38	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	41	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	44	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
8	TÀNG VĂN BA	AMD	49	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUY	AMD	51	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	32	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LUƠNG HÀ NAM	AMD	47-48	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	29-31	3	20			67	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG PHÁT	AMD	39-40	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG THANH	AMD	42-43	2	7			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG LUẬT	AMD	26	1	9			80	HA VIET	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG XUÂN	AMD	36	1	10			52	HA VIET	Vietnamese
17	TRẦN TUÂN VŨ	AMD	27	1	9			66	HA VIET	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MẠNH	AMD	24	1	9			80	HA VIET	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN PHỤNG	AMD	25	1	9			75	HA VIET	Vietnamese
20	TRỊNH NGỌC HÙNG	AMD	28	1	10			60	HA VIET	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY HOANG	TTC3	68	1	7			77	ANTOAN	Vietnamese
22	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TTC3	39	1	10	2	18	66	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	AMD		20	1.446	29	185	3	25	15		
2	TTC3		2	143	2	17	2	18	5		
3	P3		0	0	0	0	4	66	2		
TOTAL			22	1.589	31	202	9	109	22		
WEIGHT KG				1.589		202		109			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2024	TO: P1 - P10 - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:50
VANG - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN NGHI	P1	92-93	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P1	42	1	13	5	83	78	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	P1	16-17	2	17			79	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH LỢI	P1	18	1	13			63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN DUY TIẾN	P1	94-95	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG AN	P1	96-97	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH NGỌC	P1	89-90	2	24			92	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN QUANG	P1	84-86	3	23			73	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI DUY TÂN	P1	98-99	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG TRUNG	P1	87-88	2	21			69	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO NHẬT QUI	P1	300	1	13	3	55	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGÔ ANH QUỐC	P1	43	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
13	DO LÊ NGỌC HOANG	P1	15	1	4	2	35	54	PSV	Vietnamese
14	HUYNH THANH LAM	VSP01	78-79	2	21			71	D-HANH	Vietnamese
15	TRẦN VŨ ANH THƠ	VSP01	77	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
16	SABITOV A.A.	VSP01						81	KH-THAC	Russian
17	ĐOÀN TIẾN LŨ	VSP01	76	1	5			67	NIPI	Vietnamese
18	HOANG ANH TU	VSP01	72	1	8			58	PHUOC SOI	Vietnamese
19	VŨ QUỐC TUÂN	VSP01	73	1	5			62	PHUOC SOI	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG HỢP	VSP01	74-75	2	12			72	PHUOC SOI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P1		13	918	22	201	10	173	0		
2	P10		0	0	0	0	1	3	10	2	CHUYEN 2 PAX P10-VSP01
3	VSP01		7	474	8	55	0	0	3		Thao 1 ghi chéi chổ ha
TOTAL			20	1.392	30	256	11	176	13		
WEIGHT KG				1.392		256		176			

GRAND TOAL:

1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2024	TO: AMD - CTK3 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - XTRƯỜNG -	ETA: 14:00
XANH-3		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN LE	AMD	63	1	13			66	HA VIET	Vietnamese
2	VU NGOC CANH	AMD	67-68	2	15	5	65	82	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN DUC HANH	AMD	56	1	10			57	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG MANH TUAN	AMD	62	1	11			80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN MINH THAI	AMD	60-61	2	15			76	XAYLAP	Vietnamese
6	PHUNG THE TAI	AMD	57-58	2	15	1	7	64	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI THANH LONG	AMD	59	1	10			85	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN CAO TANG	AMD	66	1	5			76	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN LAM THANG	AMD	65	1	4			85	PSV	Vietnamese
10	TRAN VAN NHAN	AMD	64	1	10			78	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	85	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN TRUNG THANH	CTK3	84	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THANH HOAT	CTK3	87	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DUC BAU	CTK3	92	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH TUAN	CTK3	88-89	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	90-91	2	14			65	HVJOC	Vietnamese
17	DINH QUANG SON	CTK3	82	1	10	1	12	57	XAYLAP	Vietnamese
18	DOAN TRONG KHANG	BK16	74-75	2	15	3	24	96	T-TIN	Vietnamese
19	VU DINH CHIEN	BK16	73	1	7	2	35	72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	AMD		10	749	13	108	6	72	6		
2	CTK3		7	473	9	69	1	12	11		
3	BK16		2	168	3	22	5	59	4		
TOTAL			19	1.390	25	199	12	143	21		
WEIGHT KG				1.390		199		143			

GRAND TOAL:

1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN